

Phụ lục 04: BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
Đánh giá thực trạng sản xuất lĩnh vực lâm nghiệp
giai đoạn 2021 -2025, định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030

1. Đánh giá thực trạng lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025

1.1. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2025 đạt 2.116 tỷ đồng tăng 67% so với năm 2020 (1.265 tỷ đồng). Tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2025 chiếm 7,2% so với tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, Ngành lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nông nghiệp của Hà Tĩnh; Chủ yếu tập trung vào các hoạt động khai thác gỗ và lâm sản, trồng và chăm sóc rừng, Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác. Tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021 - 2025: ổn định 52%.

1.2 Về thực trạng diện tích, chất lượng rừng; quy hoạch 03 loại rừng; tổ chức quản lý rừng

- Hà Tĩnh hiện có 358.279,3 ha rừng và đất lâm nghiệp (chiếm khoảng 60% diện tích tự nhiên của tỉnh), phân bố trên địa bàn 66 phường, xã, trong đó diện tích có rừng là 337.593,64 ha: Rừng tự nhiên 217.630,12 ha; rừng trồng 119.963,52 ha, đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp 20.685,66 ha. Phân theo quy hoạch 03 loại rừng như sau:

+ Quy hoạch rừng đặc dụng: 75.501ha (rừng tự nhiên 72.492,77ha; rừng trồng 516,49ha; đất chưa có rừng 491,74ha).

+ Quy hoạch rừng phòng hộ: 115.956,11ha (rừng tự nhiên 84.381,5ha; rừng trồng 25.981,13ha; đất chưa có rừng 5.593,48ha).

+ Quy hoạch rừng sản xuất: 167.822,19ha (rừng tự nhiên 59.755,85ha; rừng trồng 93.465,9ha; đất chưa có rừng 14.600,44ha).

- Tổ chức quản lý rừng:

+ Toàn tỉnh đã giao 321.341,8 ha rừng và đất lâm nghiệp cho 20 chủ rừng tổ chức/250.340,07ha và hơn 25.000 hộ gia đình cá nhân, cộng đồng/71.001,73ha.

+ Diện tích chưa giao, chưa cho thuê hiện UBND xã đang quản lý 36.937ha.

1.3 Đánh giá thực trạng về phát triển sản xuất lâm nghiệp

a) Gỗ nguyên liệu rừng trồng

Hà Tĩnh hiện có 93.465 ha rừng trồng thuộc đối tượng sản xuất, trong đó diện tích rừng nguyên liệu chiếm 90 % (84.118 ha), chủ yếu là các loài cây keo (Keo lai, Keo lá tràm, Keo tai tượng), bình quân mỗi năm trồng từ 8000 - 9000 ha rừng sản xuất. Năng suất đối với rừng trồng gỗ nhỏ (chu kỳ từ 5-7 năm) đạt 80 - 90 m³/ha, đối với các mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn (trên 10 năm tuổi), năng suất từ 120 - 150m³/ha. Giai đoạn 2016 - 2020, bình quân mỗi năm khai thác 5.180 ha, sản lượng bình quân mỗi năm 414.000m³, mang lại thu nhập

cho người dân khoảng 40 triệu đồng/ha (*rừng từ 5 - 7 năm tuổi*); giai đoạn 2021 - 2025 bình quân mỗi năm khai thác 7.562 ha, sản lượng bình quân mỗi năm 605.000m³ (*rừng từ 5 - 7 năm tuổi*), mang lại thu nhập cho người dân khoảng 60 - 70 triệu đồng/ha.

Đến năm 2025 có 16.397 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC sẽ nâng cao giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng, tăng thu nhập cho người dân trên một đơn vị diện tích rừng từ 20 - 30% giá trị khi bán

- Hình thức tổ chức sản xuất: Từ trước đến nay, chủ yếu là các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp tự tổ chức trồng và tự khai thác. Hiện nay Hà Tĩnh đang chuyển dịch mạnh mẽ từ sản xuất hộ gia đình đơn lẻ sang các hình thức liên kết chuỗi giá trị, các doanh nghiệp làm vai trò đầu kéo và hình thức liên kết các nhóm hộ, các Tổ hợp tác và HTX lâm nghiệp bền vững đang hình thành để cùng thực hiện chứng chỉ rừng (FSC). Trên địa bàn tỉnh hiện có 06 doanh nghiệp, tổ chức liên kết với các hộ gia đình thực hiện cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững và cam kết tiêu thụ toàn bộ gỗ rừng trồng đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững với tổng diện tích 17.660,21ha rừng trồng. Đối với diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC thường có giá trị kinh tế cao hơn từ 20% - 30% so với gỗ không có chứng chỉ cùng loại; tiếp cận được các chuỗi cung ứng toàn cầu và các tập đoàn lớn vốn chỉ chấp nhận nguyên liệu sạch; quy trình cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) yêu cầu kỹ thuật thâm canh, chọn giống và chăm sóc khắt khe, từ đó giúp trữ lượng gỗ trên mỗi ha tăng lên đáng kể.

b) Đối với rừng tự nhiên:

Trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện có 217.630,12 ha rừng tự nhiên; 119.963,52 ha rừng trồng. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên nghèo, rừng tự nhiên nghèo kiệt, rừng tự nhiên chưa có trữ lượng có khoảng 91.000 ha, tương đối nhiều, chủ yếu do các đơn vị chủ rừng là tổ chức quản lý, sử dụng. Đối tượng rừng này có độ tàn che thấp và không đồng đều do tán rừng bị phá vỡ, ánh sáng xuyên xuống tầng dưới nhiều, dẫn đến sự phát triển mạnh của cây bụi, dây leo và cỏ dại; đa số là các loài cây gỗ kém giá trị, trữ lượng thấp, cây có tốc độ sinh trưởng chậm hoặc cây bị sâu bệnh, cong queo, cụt ngọn; các loài cây tiên phong ưa sáng, gỗ tạp thường chiếm ưu thế, làm giảm tính đa dạng sinh học đặc trưng của hệ sinh thái rừng tự nhiên ban đầu; thiếu hụt cây mẹ (cây gieo giống) chất lượng cao, quá trình tái sinh tự nhiên diễn ra chậm.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn trước đây, đặc biệt là thời kỳ các Lâm trường quốc doanh thực hiện chỉ tiêu khai thác gỗ để phục vụ xây dựng đất nước và xuất khẩu, việc khai thác chủ yếu dựa vào khai thác chọn nhưng thực tế lại lấy đi những cây gỗ tốt nhất, có giá trị kinh tế cao nhất. Việc lấy đi các cây mẹ, cây trội (cây đầu dòng) khiến rừng mất đi nguồn giống chất lượng để tái sinh tự nhiên. Ngay cả khi Nhà nước đã có chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, tình trạng khai thác gỗ lậu vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức; trước đây tại một số địa

bàn, việc người dân địa phương vào rừng khai thác gỗ nhỏ làm vật liệu xây dựng hoặc củi cũng góp phần làm chậm quá trình diễn thế phục hồi của rừng.

- Các mô hình sản xuất có hiệu quả

Đến nay, về sản xuất nông lâm kết hợp có 23 HTX gồm 284 thành viên, vốn điều lệ: 39.615 triệu đồng, chủ yếu tập trung ở các địa phương như: xã Sơn Tây, Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Sơn Giang, Tứ Mỹ, Kim Hoa, Sơn Kim 1, Phúc Trạch, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Thượng Đức, Hồng Lộc, Đồng Lộc, Trường Lưu, Xuân Lộc. Có một số hợp tác xã nông lâm kết hợp hoạt động khá như: Hợp tác xã nông nghiệp Đại Thành, xã Sơn Kim 1; Hợp tác xã Thương mại và Dịch vụ cây trồng Đồng Uyên, xã Đồng Lộc.

Đây là các mô hình hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, đa dạng hoá nguồn thu nhập cho thành viên, HTX. Kết hợp trồng cây lâm nghiệp với sản xuất nông nghiệp giúp người dân, thành viên HTX không chỉ có thu nhập từ sản phẩm cây trồng, vật nuôi mà còn từ khai thác gỗ, chế biến sản phẩm từ rừng, không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế mà còn góp phần bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và xây dựng một nền nông nghiệp bền vững.

Bên cạnh đó, thời gian qua Trung tâm khuyến nông tỉnh cũng đã xây dựng và nhân rộng một số mô hình trồng rừng thâm canh bằng giống cây Keo lai nuôi cấy mô; mô hình được triển khai với quy mô 27ha/5 hộ tham gia tại xã Hương Đô (12ha) và xã Đồng Lộc (15ha); mô hình sử dụng dòng Keo lai nuôi cấy mô AH1, AH7. Mô hình tại xã Hương Đô, cây Keo năm thứ 3 sau trồng, qua kiểm tra đánh giá của trung tâm Khuyến nông tỉnh cho thấy chiều cao cây trung bình đạt từ 7 - 7,5m, đường kính trung bình đạt 9 - 10cm. Mô hình tại xã Đồng Lộc, cây Keo năm thứ 2 sau trồng, qua kiểm tra, đánh giá rừng cho thấy tỷ lệ sống sau trồng đạt tỷ lệ cao (97%), chiều cao cây trung bình đạt từ 2,0 - 2,5m, đường kính gốc trung bình đạt 6 - 7 cm, đặc biệt có một số hộ cây sinh trưởng rất tốt, chiều cao trung bình 2,5 - 3,0m, các hộ chăm sóc bảo vệ đảm bảo theo yêu cầu. Qua đánh giá thực tế hiện cây Keo nuôi cấy mô của mô hình đang sinh trưởng, phát triển tốt, ít sâu, bệnh hại, tốc độ sinh trưởng và phát triển nhanh gấp 1,5 - 2 lần so với các loài keo bản địa thông thường, cây đạt tiêu chuẩn về chỉ số chiều cao, đường kính gốc. Tuy giá cây giống Keo nuôi cấy mô vẫn còn cao so với các dòng cây keo lai thông thường; việc nắm bắt, tìm hiểu về quy trình sản xuất, giá trị của cây nuôi cấy mô còn hạn chế. Nhưng qua việc triển khai mô hình, kết quả đạt được là cơ sở thực tiễn để thay đổi nhận thức từ trồng rừng nguyên liệu sang phát triển trồng rừng thâm canh gỗ lớn, chất lượng cao bằng công nghệ mới trong lâm nghiệp (công nghệ nuôi cấy mô), góp phần tăng năng suất chất lượng rừng trồng, tăng hiệu quả sản xuất, là tiền đề để tiếp tục triển khai, nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh trong thời gian tới. So với cây giống giâm hom, cây giống nuôi cấy mô phát triển nhanh hơn 20%, có bộ rễ cọc chống chịu tốt hơn với gió bão, thuận lợi cho mô hình trồng rừng gỗ lớn. Giống sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô sẽ ít bị sâu bệnh hơn và chất lượng gỗ phục vụ nguyên liệu chế biến cũng tốt hơn.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số:

+ Về khoa học công nghệ: Trong trồng rừng sản xuất đã lựa chọn các dòng Keo lai mô có khả năng chống chịu bão tốt hơn và tốc độ sinh trưởng nhanh, vượt trội so với giống hạt truyền thống như: AH1, AH7, BV10. Kế hoạch năm 2026, Trung tâm Khuyến Nông tỉnh đưa vào trồng thử nghiệm một số giống Keo lai mới như: BV376, BV523, BV340 có năng suất cao, chất lượng vượt trội, khả năng chống chịu tốt với các điều kiện khí hậu, thời tiết, sâu bệnh và đã được công nhận là giống cây trồng lâm nghiệp mới.

+ Chuyển đổi số:

Trong công tác BVR - PCCCR: Đã đầu tư lắp đặt và tìm kiếm các nguồn lực đầu tư để lắp đặt 22 hệ thống Camera quan sát, phát hiện sớm cháy rừng tại các khu vực rừng trọng điểm và hệ thống này đã được tích hợp lên Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh (hệ thống IOC tỉnh). Đồng thời, ứng dụng có hiệu quả hệ thống cảnh báo cháy rừng, cảnh báo mất rừng do Cục Kiểm lâm phát triển,... Nhờ đó, công tác BVR - PCCCR được thực hiện có hiệu quả hơn, các điểm mất rừng, các điểm phát lửa trên địa bàn tỉnh được phát hiện sớm và huy động lực lượng ngăn chặn, xử lý kịp thời, hạn chế tối đa thiệt hại về rừng.

Trong công tác theo dõi diễn biến rừng: Chi cục đến các hạt Kiểm lâm, chủ rừng đã ứng dụng có hiệu quả hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FRMS) do Cục Lâm nghiệp xây dựng và phát triển; ứng dụng công nghệ ảnh viễn thám và thống cảnh báo mất rừng do Cục Kiểm lâm phát triển để theo dõi và kịp thời phát hiện biến động rừng,... Nhờ đó, các biến động về rừng trên địa bàn đều được theo dõi, cập nhật kịp thời; cơ sở dữ liệu về rừng trên địa bàn ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện cho các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

c) Cây Dó trầm

- Trong những năm qua việc phát triển cây Dó trầm trên địa bàn Hà Tĩnh nói chung đang mang tính tự phát trong nhân dân từ khâu gieo trồng cho đến tác động tạo trầm và tiêu thụ sản phẩm, một số đơn vị trồng tập trung quy mô nhỏ mang tính khảo nghiệm. Hiện nay toàn tỉnh có khoảng 2.700ha (khoảng 3 triệu cây) Dó trầm trồng tập trung và trồng phân tán trong vườn nhà, vườn hộ gia đình, đã thu hút các doanh nghiệp đầu tư chế tạo trầm. Vùng có phân bố Dó trầm ở các xã Phúc Trạch, Hương Đô, Hương Xuân, Hương Phố, Hương Khê...v.v. . Sự phát triển mạnh mẽ về cây Dó trầm, có một số mô hình vườn hộ trên địa bàn cho doanh thu hàng năm trên 500 triệu đồng; đã hình thành một số cơ sở trồng và chế biến các sản phẩm từ dó trầm theo chuỗi giá trị, mở rộng thị trường ra cả nước (như trầm hương Tâm Thiên Hương, trầm hương Hiền Linh,...), mang lại thu nhập cao cho người dân trồng dó trầm.

Việc phát triển các sản phẩm từ Dó trầm cũng đang gặp những khó khăn, vướng mắc như: sự hiểu biết về các đặc tính sinh vật học và giá trị của cây Dó trầm nói chung, sản phẩm tinh dầu trầm nói riêng còn rất hạn chế; phát triển cây Dó trầm hiện nay trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các hộ dân tự phát; chưa có nghiên

cứu, quy trình kỹ thuật cơ bản, khoa học về nhân giống, khả năng hình thành trầm, phương pháp tác động và khả năng tạo trầm; chế biến, chưng cất tinh dầu trầm đã được làm thử nghiệm nhưng chưa thành công; thị trường tiêu thụ chưa rõ ràng chủ yếu là các tiểu thương mua bán tự do, chưa có doanh nghiệp hoặc thị trường chính thống đứng ra tiêu thụ...vv. Những khó khăn, hạn chế này là rào cản lớn để mở rộng quy mô, phát triển thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến sâu, nâng cao giá trị thương hiệu trên thị trường, nhất là xuất khẩu sản phẩm.

d) Cây Cao su

Tổng diện tích cây Cao su trên địa bàn tỉnh hiện có là 8.150 ha, trong đó: Diện tích cao su đại điền: 7.164ha; diện tích liên kết với các tổ chức, cá nhân khác: 754ha. Diện tích cao su đã đưa vào khai thác 5.653 ha, năng suất mù bình quân đạt từ 0,8-0,9 tấn/ha/năm.

Trong giai đoạn 2021 - 2025 diện tích cây Cao su không mở rộng thêm, tuy nhiên để đảm bảo sự phát triển bền vững của các Công ty trên quan điểm sử dụng vốn, đất đai, tài nguyên hiện có, định hướng sắp xếp, đổi mới tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp theo hướng tiếp tục tập trung cho việc thâm canh, chăm sóc, bảo vệ, kinh doanh tốt diện tích Cao su hiện có;

Sơ chế, chế biến mù cao su: tại Công ty cao su Hà Tĩnh đã đầu tư xây dựng mở rộng quy mô dây chuyền nhà máy chế biến mù cao su, đầu tư thu mua mù và tập trung cho gia công chế biến nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh cụ thể: có nhà máy chế biến mù, sản phẩm chế biến là mù thành phẩm SVR10. Sản phẩm mù đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 3769:2016 và TCCS 112: 2017 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam. Công ty Cao su Hà Tĩnh đã thực hiện chế biến mù của Công ty tự khai thác, mù thu mua, ngoài ra Công ty thực hiện gia công chế biến cho các đơn vị khai thác mù cao su khác như Công ty Cao su Hương Khê, Nghệ An...

Ứng dụng khoa học công nghệ: Công ty thực hiện trồng, chăm sóc, khai thác mù cao su theo quy trình kỹ thuật cây cao su của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam và các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật được Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn ban hành tại quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01 tháng 12 năm 2021. Những năm gần đây các công ty đã ứng dụng các tiến bộ khoa học trong các khâu sản xuất như chế biến, bón phân và công tác phòng bệnh. Hiện nay Công ty đã và đang triển khai áp dụng phương pháp bón phân lá kết hợp phòng bệnh cây cho diện tích cây cao su kinh doanh bằng máy bay không người lái (Drone); Sử dụng khí Ethyphone trong kích thích sinh lý dòng chảy mù của cây cao su trong khai thác mù; Chuyển đổi dây chuyền chế biến mù cao su từ sử dụng sấy nhiệt bằng dầu sang sấy bằng hệ thống Biomass sử dụng nguyên liệu sinh khối, phụ phẩm lâm nghiệp làm chất đốt thay cho nguyên liệu hoá thạch...; Ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học viễn thám, các phần mềm, AI... vào thực hiện sản xuất kinh doanh.

đ) Cây dược liệu dưới tán rừng

Trong những năm gần đây, việc trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại địa bàn Hà Tĩnh đang phát triển tích cực, chủ yếu tập trung ở các xã Sơn Kim 1, Sơn Kim 2 và Sơn Hồng với cây thiên niên kiện làm chủ lực. Mô hình này mang lại hiệu quả kinh tế cao và góp phần bảo vệ rừng tự nhiên.

Với mô hình trồng cây Thiên niên kiện dưới tán rừng thì mỗi ha cho thu nhập 45-50 triệu đồng từ năm thứ 3, với thu hoạch thân và củ liên tục. Ngoài ra người dân còn được hỗ trợ 10 triệu đồng/ha theo Nghị quyết 51/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Tĩnh và được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm, giai đoạn 2022- 2025 thông qua chính sách theo Nghị quyết 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng được 1.333 ha cây dược liệu dưới tán rừng. Với chi phí đầu tư thấp hơn nhiều so với các loài cây trồng khác, việc trồng dược liệu dưới tán rừng đã góp phần tăng thu nhập, giúp thoát nghèo bền vững cho người dân.

Hiện nay, tại xã Kỳ Lạc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Minh Đức đang trồng khảo nghiệm các loài cây dược liệu như Bạch đàn chanh, Tràm trà, Tràm 5 gân để đánh giá tính hiệu quả và phù hợp với địa chất, thổ nhưỡng, khí hậu.

e) Chăm sóc rừng trồng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, bảo vệ rừng

- Trong những năm qua, công tác chăm sóc rừng trồng đã được các đơn vị chủ rừng và các hộ gia đình, cá nhân quan tâm thực hiện đúng quy trình kỹ thuật. Đối với loài cây sinh trưởng nhanh, thực hiện chăm sóc 3 năm sau khi trồng; đối với loài cây sinh trưởng chậm thì thực hiện chăm sóc tối đa là năm năm sau khi trồng. Cây giống thực hiện trồng dặm trong giai đoạn chăm sóc được lựa chọn loài cây đảm bảo chất lượng, không sâu bệnh rừng chăm sóc được luống phát dây leo, cây bụi, cỏ dại xâm lấn, được xới đất, vun gốc đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, do vậy rừng sau khi trồng sinh trưởng và phát triển tốt. Giai đoạn 2021 - 2025, mỗi năm bình quân chăm sóc 21.000 ha rừng phòng hộ, đặc dụng và rừng sản xuất.

- Đối với công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng: Giai đoạn 2021 - 2025, mỗi năm thực hiện đạt 555 ha, trong đó: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 504 ha (thực hiện theo Chương trình phát triển lâm nghiệp tại Ban quản lý rừng phòng hộ Hồng Lĩnh); khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung cây lâm nghiệp 50 ha (Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp, thực hiện tại Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh). Việc lựa chọn đối tượng đưa vào thực hiện biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng được xác định đúng đối tượng theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đã áp dụng việc luống phát dây leo, bụi rậm, kết hợp trồng bổ sung cây bản địa, điều tiết mật độ cây tái sinh...vv, góp phần nâng cao chất lượng rừng, đây là một giải pháp lâm sinh đã mang lại hiệu quả cao trong nâng cao chất lượng rừng và duy trì đa dạng sinh học.

- Bên cạnh đó, thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm đã phát động và thực giải pháp “rãi hạt giống” theo hướng huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức đoàn thể thực hiện tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, học sinh thu gom các loại hạt giống. Đến nay, có 8 đơn vị chủ rừng nhà nước đã chủ động xây dựng kế hoạch “rãi hạt giống” với tổng diện tích 202,7ha/8 đơn vị, bằng loài cây bản địa như Gió bầu, Trám, Dẻ, Bời lời, lim xanh, Gụ, Đền, Nang, Thang, Trâm, Bằng Lăng, và cây ăn quả Xoài, nhãn, mít, sấu, bơ, Na, .v.v.. để góp phần đẩy nhanh tiến độ tái sinh rừng, làm giàu rừng gắn với đa dạng hóa sinh học bền vững; theo đó, các đơn vị Chủ rừng đã chủ động thu gom hạt giống, tiếp nhận hạt giống từ các cán bộ công nhân viên chức, từ các em học sinh, trung tâm khuyến nông tỉnh; xác định vị trí, số lượng các loại hạt... Hiện nay một số đơn vị đã và đang thực hiện rải hạt giống như: Vườn quốc gia Vũ Quang, Kẻ Gỗ, Ban QL rừng PH Hương Khê, Ban QL rừng PH Nam Hà Tĩnh.

h) Các mô hình kinh tế nông lâm kết hợp trên đất lâm nghiệp

- Đến nay, toàn tỉnh có 07 HTX lâm nghiệp, chiếm 1% trong tổng số HTX nông nghiệp các loại hình. Có 01 Liên hiệp HTX lâm nghiệp: Liên hiệp HTX Tây Kim có quy mô 16 thành viên (12 HTX, 2 THT, 2 công ty) quản lý gần 22.000 ha, có tham gia xây dựng rừng đạt chứng chỉ FSC trên diện tích hơn 6.000 ha; có 23 HTX nông lâm kết hợp, chủ yếu tập trung ở các địa phương như: xã Sơn Tây, Sơn Kim 2, Sơn Hồng, Sơn Giang, Tứ Mỹ, Kim Hoa, Sơn Kim 1, Phúc Trạch, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Thượng Đức, Hồng Lộc, Đồng Lộc, Trường Lưu, Xuân Lộc. Có một số hợp tác xã nông lâm kết hợp hoạt động khá như: Hợp tác xã nông nghiệp Đại Thành, xã Sơn Kim 1; Hợp tác xã Thương mại và Dịch vụ cây trồng Đồng Uyên, xã Đồng Lộc.

- Trong những năm gần đây số lượng HTX lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh không tăng lên, hầu hết là hoạt động nhỏ lẻ, hiệu quả kinh tế chưa cao. HTX lâm nghiệp thường thiếu vốn chủ sở hữu, chủ yếu phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn, trong khi thời gian thu hồi vốn từ trồng rừng dài. Tuy nhiên, HTX lâm nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển rừng, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời góp phần nâng cao thu nhập cho thành viên và người dân nông thôn.

So với loại hình HTX lâm nghiệp thì HTX nông lâm kết hợp hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, đa dạng hoá nguồn thu nhập cho thành viên, HTX. Kết hợp trồng cây lâm nghiệp với sản xuất nông nghiệp giúp người dân, thành viên HTX không chỉ có thu nhập từ sản phẩm cây trồng, vật nuôi mà còn từ khai thác gỗ, chế biến sản phẩm từ rừng, không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế mà còn góp phần bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và xây dựng một nền nông nghiệp bền vững.

Ngoài ra, hiện nay tại một số địa phương đang triển khai thực hiện mô hình trồng dựa trên đất lâm nghiệp theo hình thức sản xuất nông lâm kết hợp. Đến nay diện tích sản xuất đạt 375,04ha, trong đó, thực hiện trên đất của Công

ty Cổ phần chăn nuôi Bình Hà 320 ha (thuộc các xã Kỳ Hoa, Kỳ Lạc, Kỳ Văn, Cẩm Xuyên, Cẩm Duệ, Cẩm Lạc), các hộ dân sản xuất liên kết với diện tích 55,05 ha (Kỳ Hoa 20,5 ha, Cẩm Xuyên 10 ha, Cẩm Hưng 2,2 ha, Hương Xuân 5 ha, Vũ Quang 4,72, Mai Hoa 8,01 ha, Thượng Đức 4,61 ha).

i) Công tác giống cây lâm nghiệp

Công tác quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp được quan tâm, chỉ đạo thực hiện theo quy định. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm đã chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về giống cây trồng lâm nghiệp; tuyên truyền, khuyến cáo người dân trồng rừng lựa chọn, sử dụng cây giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, giống tốt, giống đảm bảo chất lượng để đưa vào trồng rừng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng; khuyến khích các tổ chức, cá nhân ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào công tác sản xuất, nhân giống cây trồng lâm nghiệp; tổ chức thẩm định, công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp chính.

Hiện nay, toàn tỉnh có 09 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp hoạt động đáp ứng nhu cầu cây giống phục vụ trồng rừng, trồng cây phân tán hằng năm trên địa bàn tỉnh; mỗi năm toàn tỉnh sản xuất bình quân khoảng từ 9-12 triệu cây, chủ yếu là cây giống Keo, cây giống được sản xuất bằng phương pháp dâm hom và đáp ứng chất lượng, tiêu chuẩn cây con trồng rừng.

Tuy nhiên, công tác quản lý, phát triển giống cây trồng lâm nghiệp vẫn còn hạn chế. Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp bằng công nghệ cao (nuôi cây mô); còn tình trạng người dân sản xuất cây giống theo hình thức tự cung tự cấp, không tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; do đó ảnh hưởng đến chất lượng, năng suất rừng trồng.

k) Cơ giới hóa trong sản xuất một số sản phẩm lâm nghiệp

Việc sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay đã thực hiện cơ giới hóa, và chủ yếu tập trung vào khâu khai thác, thu hoạch (dùng cưa xăng) và khâu vận chuyển (dùng xe tải chuyên dụng). Tuy nhiên ở địa hình núi cao thì đang còn phụ thuộc nhiều vào sức người, các máy móc lớn khó tiếp cận.

Việc sử dụng cơ giới hóa trong sản xuất lâm nghiệp (Khai thác, thu hoạch và vận chuyển) phần nào đã giảm được phụ thuộc vào nhân công (hiện nay đang khan hiếm ở vùng nông thôn) và nâng cao hiệu quả kinh tế trên một diện tích rừng.

Tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025, trong đó về chính sách lâm nghiệp đã được hỗ trợ cho các tổ chức, nhóm hộ xây dựng đường lâm nghiệp trong các vùng trồng rừng gỗ nguyên liệu tập trung theo quy hoạch có quy mô từ 200 ha trở lên, mức hỗ trợ

300 triệu đồng/1 km. Giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh đã hỗ trợ kinh phí để làm 27 km đường lâm nghiệp, phần nào đã tạo thuận lợi cho các phương tiện vận chuyển tiếp cận được các vùng sản xuất lâm nghiệp có địa hình khó khăn, phát huy hiệu quả của việc khai thác và vận chuyển sản phẩm từ gỗ rừng trồng.

(Chi tiết về diện tích, sản lượng gỗ theo biểu 04)

1.4 Bảo vệ rừng; phòng cháy chữa cháy rừng

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng

+ Công tác bảo vệ rừng tại gốc, kiểm tra, kiểm soát lâm sản, hoạt động săn bắt, kinh doanh động vật hoang dã trên địa bàn được tập trung thực hiện quyết liệt bằng nhiều biện pháp, giải pháp hiệu quả; quá trình xử lý vi phạm đảm bảo đúng quy định, không để xảy ra khiếu nại, khiếu kiện. Từ năm 2021 - 2025, lực lượng Kiểm lâm đã phối hợp các ngành phát hiện, xử lý 692 vụ vi phạm pháp luật Lâm nghiệp. Trong đó, xử lý hình sự 11 vụ, xử phạt 11 đối tượng 86 tháng tù giam, 126 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt vi phạm hành chính 681 vụ, tịch thu 357,692 m³ gỗ các loại, 502 cá thể động vật hoang dã/trọng lượng 519,91 kg, tổng thu nộp ngân sách Nhà nước 7,397 tỷ đồng.

+ Sự phối kết hợp trong công tác bảo vệ và phát triển rừng giữa chính quyền địa phương các cấp, các đơn vị chức năng, chủ rừng được tăng cường, nhất là tại các vùng giáp ranh, vùng biên giới biên giới.

- Công tác phòng cháy chữa cháy rừng:

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai kịp thời các biện pháp, giải pháp PCCCR, như: Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch, phương án PCCCR sát đúng với tình hình thực tế; kiểm tra, rà soát hệ thống các công trình, các trang thiết bị PCCCR để đầu tư xây dựng, tu sửa, mua sắm bổ sung kịp thời (*đã đầu tư, mua sắm và kêu gọi các nguồn để mua sắm được 22 camera, 150 máy thổi gió, 50 cửa xăng, ..., tùy nhiên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao*).; kiểm tra, giám sát việc tổ chức hiện phương án PCCCR các chủ rừng và các địa phương theo phương châm “4 tại chỗ”; duy trì chế độ thường trực 24/24 giờ phát hiện sớm lửa rừng, giám sát người ra, vào các khu vực rừng dễ cháy; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý thức, trách nhiệm PCCCR luôn được quan tâm, chú trọng tổ chức thực hiện.

Tuy vậy, những năm qua thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, nắng nóng gay gắt, nhiệt độ luôn ở mức cao nên từ năm 2020 đến 2025 trên địa bàn toàn tỉnh đã xảy ra 39 vụ cháy rừng¹, diện tích thiệt hại không có khả năng phục hồi 76,106ha.

1.5 Hệ thống hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất lâm nghiệp (Đường lâm nghiệp, các công trình phòng chống chữa cháy rừng, trạm, trại, trang thiết bị,...)

¹ Trong đó: năm 2020 xảy ra 14 vụ/59,71ha, năm 2021 xảy ra 04 vụ/3,049ha; năm 2022 xảy ra 02 vụ/0,84ha; năm 2023 xảy ra 11 vụ/8,97ha; năm 2024 xảy ra 06 vụ/3,235ha; năm 2025 xảy ra 02 vụ/0,302ha.

- Về hệ thống đường lâm nghiệp:

Hiện nay, hệ thống đường lâm nghiệp hiện có tại các khu vực rừng sản xuất là rừng trồng tập trung (200 ha trở lên) tại các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh là 770,5 km (đường bê tông, rải nhựa: 393 km; đường cấp phối: 173,3 km; đường đất: 204,2 km), được hình thành qua nhiều giai đoạn khai thác rừng, chủ yếu là nguồn kinh phí từ các hộ gia đình, cá nhân trồng rừng tự bỏ. Trong những năm gần đây, nhờ các chính sách hỗ trợ của tỉnh, hệ thống đường này đang dần được "cứng hóa" bằng bê tông hoặc cấp phối đá dăm để xe tải trọng lớn có thể ra vào vận chuyển sản phẩm gỗ khai thác từ rừng trồng.

Năm 2021, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025, trong đó về chính sách lâm nghiệp đã được hỗ trợ cho các tổ chức, nhóm hộ xây dựng đường lâm nghiệp trong các vùng trồng rừng gỗ nguyên liệu tập trung theo quy hoạch có quy mô từ 200 ha trở lên, mức hỗ trợ 300 triệu đồng/1km. Giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh đã hỗ trợ kinh phí để làm 27km/66 km (kế hoạch) đường lâm nghiệp (đạt 41% so với kế hoạch), phần nào đã tạo thuận lợi cho các phương tiện vận chuyển tiếp cận được các vùng sản xuất lâm nghiệp có địa hình khó khăn, phát huy hiệu quả của việc khai thác và vận chuyển sản phẩm từ gỗ rừng trồng. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết đường lâm nghiệp đã xuống cấp trầm trọng, chi phí làm đường ở các vùng sản xuất lâm nghiệp (vùng núi) cao hơn so với vùng đồng bằng, trong khi ngân sách Trung ương không bố trí để thực hiện, ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ 50% (300 triệu đồng/km), do vậy nhiều địa phương không hấp thu được chính sách.

- Công trình, trang thiết bị PCCCR:

+ Đường băng cản lửa: Toàn tỉnh có khoảng trên 400 km đường băng cản lửa, tuy nhiên hầu hết các tuyến đường băng được đầu tư xây dựng đã lâu nhưng không có kinh phí để tu sửa nên chưa phát huy được hiệu quả phục vụ công tác PCCCR.

+ Trang thiết bị PCCCR: Hiện nay toàn tỉnh có tổng 23 Camera quan sát, phát hiện sớm cháy rừng (*trong đó có 10 Camera được đầu tư từ ngân sách tỉnh; 12 Camera được Viện Các Khoa học Địa cầu đầu tư và 01 do BQL RPH Hương Khê đầu tư*); Máy thổi gió 556 cái; Cửa xăng 110 cái; Loa chỉ huy 235 cái; dao phát 4.479 cái; giày tất 3.840 đôi; Biển cấm lửa 4.253 biển,... Tuy nhiên, so với yêu cầu, nhiệm vụ PCCCR địa bàn tỉnh còn thiếu, chưa đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác PCCCR trên địa bàn.

1.6 Về chế biến, xuất khẩu lâm sản

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 144 doanh nghiệp chế biến lâm sản, ngoài ra còn có các cơ sở sản xuất, chế biến lâm sản của các hộ gia đình cá nhân, doanh nghiệp nhỏ tại các làng nghề chế biến gỗ như Trường Sơn, Thái Yên; Trảng Đình...Khối lượng sản xuất năm 2025 khoảng 699.000 m³/năm (*Nguồn:*

theo số liệu của Thống kê tỉnh Hà Tĩnh). Trong đó, có 29 nhà máy chế biến gỗ rừng trồng quy mô, công suất lớn như Nhà máy sản xuất ván gỗ MDF, HDF của Công ty cổ phần gỗ MDF Thanh Thành Đạt (Công suất 159.000 m³/năm), Nhà máy sản xuất viên nén gỗ của Công ty TNHH MTV năng lượng An Việt Phát Hà Tĩnh (Công suất 150.000 m³/năm), Nhà máy sản xuất ván Plywood của Công ty CP Plywood Thanh Thành Đạt ((Công suất 50.000 m³/năm), các nhà máy dăm gỗ, (công suất 220.000 m³/năm)...; các cơ sở, nhà máy chế biến gỗ lớn tập trung tại các khu, cụm công nghiệp Vũng Áng, Vũ Quang, Sơn Lễ, Đại Kim, Xuân Lĩnh, Gia Lách, Gia Phố....; số còn lại chủ yếu là các cơ sở sản xuất, chế biến lâm sản nhỏ lẻ, công suất không lớn.

Qua khảo sát, nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy, ngoài thu mua trên địa bàn tỉnh, các nhà máy còn thu mua gỗ từ các tỉnh khác như Nghệ An, Quảng Bình...nguyên liệu chủ yếu do các đầu mối, các thương lái thu mua gỗ của các chủ rừng trên địa bàn để cung cấp cho các nhà máy; chỉ có một số ít chủ rừng có thể bán gỗ trực tiếp cho các nhà máy do không đủ điều kiện để tổ chức khai thác, thu gom, phương tiện vận chuyển gỗ đến nhà máy.

Trong những năm qua hoạt động chế biến lâm sản đã có bước chuyển biến tích cực, đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế và kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, tạo được động lực cho phát triển rừng. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương kêu gọi, xúc tiến đầu tư, tham mưu tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư các nhà máy chế biến gỗ tinh sâu trên địa bàn.

Trên địa bàn tỉnh các cơ sở chế biến lâm sản quy mô nhỏ vẫn còn chiếm số lượng lớn, chưa có nhiều cơ sở có kế hoạch đẩy mạnh phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, sản xuất các sản phẩm tinh sâu, giá trị gia tăng cao. Mặt khác công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư các dự án chế biến lâm sản với quy mô lớn, sản phẩm tinh sâu; liên doanh, liên kết, hình thành chuỗi giá trị sản phẩm từ khâu trồng rừng, chế biến lâm sản đến tiêu thụ sản phẩm đã thực hiện nhưng kết quả đạt được chưa cao.

Hiện nay, các sản phẩm sản xuất, chế biến chủ yếu: Ván gỗ MDF, HDF; Plywood; viên nén gỗ; dăm gỗ; ván bóc, ván ép, ván dán; gỗ xẻ; mộc dân dụng, văn phòng, đồ gỗ nội thất. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu trong tỉnh và trong nước; các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu dăm gỗ vào các thị trường các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

1.7 Hiệu quả cơ cấu tổ chức bộ máy ngành lâm nghiệp, kiểm lâm

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, đến nay cơ cấu tổ chức bộ máy ngành Lâm nghiệp, Kiểm lâm đã được kiện toàn, tổ chức lại, tinh gọn, giảm đầu mối, phù hợp với chính quyền 02 cấp; giảm được 64 đầu mối cấp phòng, hạt, trạm (Chi cục Kiểm lâm: Giảm 02 phòng, 03 Hạt Kiểm lâm, 14 Trạm Kiểm lâm; các đơn vị sự nghiệp Lâm nghiệp giảm 47 phòng, Hạt, trạm Bảo vệ rừng). Cơ cấu tổ chức bộ máy ngành Lâm nghiệp, Kiểm lâm hiện có: Chi cục Kiểm lâm (03 phòng chuyên môn, 10 Hạt Kiểm lâm, 01 Đội Kiểm lâm cơ động và

PCCCR); đơn vị sự nghiệp Lâm nghiệp, gồm: 05 Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; 01 Vườn Quốc gia.

Sau kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy vận hành thông suốt, thống nhất, phát huy hiệu lực hiệu quả, chức năng, nhiệm vụ phù hợp, phủ kín, không chồng chéo, trùng lặp; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Ngành, của địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Hệ thống các công trình PCCCR (đường băng cản lửa, xử lý thực bì giảm vật liệu cháy,...); công cụ, dụng cụ, thiết bị PCCCR trang bị cho các lực lượng tham gia chữa cháy rừng còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Năng suất rừng trồng đã có sự cải thiện nhưng chưa cao, giá trị rừng trồng còn thấp, sản phẩm chủ yếu là gỗ nhỏ, khai thác khi rừng còn non để bán dăm giấy, chưa đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, chưa tương xứng với tiềm năng về rừng và đất lâm nghiệp hiện có.

- Thị trường các loại lâm sản không ổn định, nên đời sống của người dân làm nghề rừng còn bấp bênh.

- Một số hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất rừng được giao chưa đúng mục đích, hiệu quả chưa cao.

- Về cây Dó trăm: Sự hiểu biết về các đặc tính sinh vật học và giá trị của cây Dó trăm nói chung, sản phẩm tinh dầu trăm nói riêng còn rất hạn chế; phát triển cây Dó trăm hiện nay trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các hộ dân tự phát, chưa có quy trình kỹ thuật cơ bản, khoa học về nhân giống; thị trường tiêu thụ chưa rõ ràng chủ yếu là các tiểu thương mua bán tự do, chưa có doanh nghiệp hoặc thị trường chính thống đứng ra tiêu thụ.

- Cây Dược liệu: Chưa thành lập được nhiều hợp tác xã, tổ, nhóm sản xuất, chế biến lâm sản; Chưa hình thành các mô hình sản xuất liên kết giữa các doanh nghiệp và người dân từ khâu trồng đến tiêu thụ sản phẩm.

- Cây Cao su: Thị trường tiêu thụ mủ Cao su thường biến động, không ổn định, phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc và chịu tác động nhiều vào thị trường thế giới.

- Vốn hỗ trợ từ nguồn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 -2025 chậm, chưa được bố trí kịp thời, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương. Đặc biệt giai đoạn 2021 - 2025 chưa được Trung ương bố trí nguồn đầu tư phát triển để giao cho các Ban Quản lý dự án (chủ rừng nhà nước) nên chưa thực hiện các chỉ tiêu đề ra như: Trồng rừng phòng hộ, chăm sóc rừng phòng hộ và một số hạng mục khác như: trang thiết bị bảo vệ rừng; hạ tầng lâm sinh (đường lâm nghiệp, công trình phòng cháy, chữa cháy rừng...)

Trên địa bàn tỉnh các cơ sở chế biến lâm sản quy mô nhỏ vẫn còn chiếm số lượng lớn, chưa có nhiều cơ sở có kế hoạch đẩy mạnh phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, sản xuất các sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng cao. Mặt khác công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư các dự án chế biến lâm sản với quy mô lớn, sản phẩm chế biến sâu; liên doanh, liên kết, hình thành chuỗi giá trị sản phẩm từ khâu trồng rừng, chế biến lâm sản đến tiêu thụ sản phẩm đã thực hiện nhưng kết quả đạt được chưa cao.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

- Nguyên nhân kết quả đạt được

+ Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự vào cuộc các ngành, của chính quyền địa phương và các đơn vị chủ rừng, do vậy trong những năm qua rừng được quản lý, bảo vệ tốt, hạn chế được các vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, tình hình an ninh rừng được cải thiện.

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR đã được quan tâm chỉ đạo, thực hiện. Đặc biệt trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR), việc chuẩn bị sẵn lực lượng, phương tiện, hậu cần và chỉ huy tại địa phương đã giúp khống chế nhanh các điểm cháy, không để xảy ra cháy lớn diện rộng.

+ Việc chọn lọc và đưa vào sử dụng các loại giống cây lâm nghiệp chất lượng cao (keo lai mô, các loài cây bản địa) giúp tăng năng suất và khả năng chống chịu sâu bệnh.

+ HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 đa có chính sách hỗ trợ cây giống và kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) đã tạo động lực mạnh mẽ để người dân và doanh nghiệp chuyển từ rừng trồng quảng canh sang thâm canh gỗ lớn.

- Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (khách quan, chủ quan)

+ Khách quan:

Do đặc thù của sản xuất lâm nghiệp có nhiều khó khăn so với các lĩnh vực khác như hoạt động, phân bố ở những vùng sâu, vùng xa, biên giới, cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh và kinh tế - xã hội yếu kém, thậm chí có những vùng chưa có, lợi thế thương mại thấp, thời tiết khắc nghiệt, chu kỳ sản xuất kinh doanh lâm nghiệp dài,...

Hệ thống cơ chế, chính sách cho phát triển lâm nghiệp của Trung ương ban hành khá nhiều, nhưng chưa bố trí đủ nguồn lực để thực hiện (nguồn vốn bảo vệ và phát triển rừng được bố trí hàng năm mới chỉ đáp ứng 30% nhu cầu, ngân sách tỉnh còn hạn chế, ngân sách huyện, xã hầu như không có).

+ Chủ quan:

Việc phát triển rừng sản xuất từ trước đến nay chủ yếu do các hộ gia đình và một số công ty tự bỏ vốn đầu tư, ngân sách hỗ trợ còn hạn chế; người dân miền núi còn gặp nhiều khó khăn, thiếu vốn, thiếu kỹ thuật nên chưa có điều

kiện đầu tư trồng rừng thâm canh, mà chủ yếu đang tự phát, quảng canh nên năng suất, chất lượng rừng trồng chưa cao; Người dân đang chủ yếu sản xuất, kinh doanh gỗ nhỏ, cung cấp dăm gỗ, mức đầu tư thấp và chu kỳ kinh doanh ngắn (dưới 6 năm). Mặt khác, sản xuất lâm nghiệp đặc thù, chu kỳ sản xuất kinh doanh dài, rủi ro cao, đặc biệt sản xuất gỗ lớn (chu kỳ trên 10 năm).

Quy mô sản xuất của các chủ rừng nhỏ, manh mún, chưa đáp ứng các yêu cầu tiêu chí về nguồn gốc, xuất xứ, mặt khác chu kỳ sản xuất lâm nghiệp kéo dài nên việc xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất gỗ và sản phẩm gỗ còn khó khăn. Chất lượng các sản phẩm gỗ chưa cao, mẫu mã không đa dạng, khả năng cạnh tranh thấp, chưa đáp ứng yêu cầu quốc tế về nguồn gốc, xuất xứ nên khó khăn trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ, hướng tới xuất khẩu

Các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng thiếu tính chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành, chủ yếu tập trung bảo vệ rừng, chưa quan tâm, đổi mới tư duy phát triển kinh tế rừng. Các doanh nghiệp nhà nước, công ty lâm nghiệp chưa phát huy hiệu quả, chưa thực sự trở thành “đầu kéo” trong sản xuất.

- Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Phải luôn xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị Chủ rừng nhà nước trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài.

Thứ hai: Công tác Bảo vệ rừng và PCCCR đạt hiệu quả cao khi được tổ chức chủ động, phòng ngừa là chính, duy trì thường xuyên việc tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, nhất là tại các khu vực trọng điểm, giáp ranh, biên giới.

Thứ ba: Phải tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị Chủ rừng với lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng khác; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư trong bảo vệ và phát triển rừng.

Thứ tư: Cần đặc biệt coi trọng xây dựng và củng cố lực lượng bảo vệ rừng, cả về tổ chức, con người, điều kiện làm việc và trang thiết bị; đồng thời quan tâm cải thiện đời sống, thu nhập để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài với nghề rừng.

Thứ năm: Phải từng bước đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý rừng, theo dõi diễn biến rừng, PCCCR, coi đây là xu hướng tất yếu để nâng cao hiệu quả quản lý trong giai đoạn mới.

Thứ sáu: Công tác bảo vệ rừng cần gắn chặt với hỗ trợ sinh kế cho người dân ven rừng, từng bước giảm sự phụ thuộc của người dân vào tài nguyên rừng, tạo nền tảng bền vững cho công tác bảo vệ và phát triển rừng lâu dài.

4. Đánh giá tiềm năng, lợi thế, khả năng phát triển

Hà Tĩnh sở hữu nguồn tài nguyên rừng phong phú với những đặc điểm riêng biệt tạo nên lợi thế cạnh tranh, với tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp 358.279 ha, chiếm khoảng 60% diện tích tự nhiên (Rừng tự nhiên 217.630,12

ha; rừng trồng 119.963,52 ha, đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp 20.685,66 ha. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định 52%. Bên cạnh đó, nguồn lao động khá dồi dào (lao động nông nghiệp chiếm 62%) là điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng và phát triển sản xuất lâm nghiệp. Thời gian qua, sản xuất lâm nghiệp Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả khả quan, diện tích rừng tăng lên hàng năm, chất lượng rừng được cải thiện, nhiều loài cây trồng có năng suất, chất lượng đã được đầu tư trồng thâm canh.

4.1. Tiềm năng về đất rừng phòng hộ, đặc dụng

- Rừng đặc dụng và rừng phòng hộ hiện có với nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp, là tiềm năng để phát huy các giá trị về đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen sinh vật rừng, phát triển dịch vụ du lịch sinh thái tại các vùng như: Ngàn Trươi - Cẩm Trang, Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ, Vườn Quốc gia Vũ Quang, thác Vũ Môn, Nước Sốt - Sơn Kim, hồ Trại Tiều, núi Hồng Lĩnh, Ngã 3 Đồng Lộc... Đây là cơ sở để kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Rừng Hà Tĩnh có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phòng hộ đầu nguồn lưu vực các sông lớn như: Sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu, Ngàn Trươi, 345 các hồ đập lớn nhỏ (với trữ lượng trên 1,7 tỷ m³), các công trình thủy lợi lớn như Kẻ Gỗ, Ngàn Trươi, Sông Rác, Rào Trỏ, Khe Thờ - Trại Tiều..., bảo vệ nguồn tài nguyên nước và điều tiết dòng chảy, bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, lũ lụt, hạn hán, điều hoà khí hậu, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, đảm bảo cân bằng sinh thái. Hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển Hà Tĩnh khá phong phú, đa dạng với nhiều loài động thực vật thủy sinh có giá trị kinh tế cao. Tập trung ở các khu vực cửa sông lớn như: Cửa Hội, Cửa Sốt, Cửa Nhượng, Cửa Khẩu. Đối với rừng ven biển có vai trò, tiềm năng to lớn, nhất là rừng ngập mặn ven biển giữ vai trò rất quan trọng trong việc phòng hộ, bảo vệ đời sống, dân sinh, kinh tế - xã hội và môi trường.

4.2. Tiềm năng về đất rừng sản xuất

- Diện tích đất rừng sản xuất 167.822 ha (chiếm 32%), trong đó: Rừng tự nhiên 59.756 ha, rừng trồng 93.465 ha, đất chưa có rừng: 14.600 ha.

- Trong số diện tích 93.465 ha rừng trồng sản xuất hiện có, rừng nguyên liệu chiếm trên 90%. Là cơ sở để kêu gọi, thu hút các Dự án đầu tư chế biến sâu trong lĩnh vực chế biến lâm sản (nhà máy MDF, HDF, đồ mộc xuất khẩu, nội địa...), góp phần thực hiện thắng lợi Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; nâng cao thu nhập cho người dân miền núi.

4.3. Tiềm năng về hệ sinh thái rừng, các loại lâm sản ngoài gỗ, dược liệu

- Thực vật rừng khá phong phú về loài, mang nhiều nét đặc trưng của thảm thực vật Việt Nam, có đến 143 họ, 380 chi, trên 1.600 loài thực vật; trong

đó có 265 loài cung cấp gỗ, 37 loài cây cảnh, 69 loài thực vật làm thuốc. Rừng Hà Tĩnh có nhiều loài gỗ quý hiếm như Pơ mu, Gụ mật, Sến mật, Lim xanh...

- Động vật rừng có trên 600 loài thuộc 99 họ, 28 bộ của hầu hết các lớp (Trừ cá); lớp thú có 94 loài (gồm 8 bộ, 23 họ), trong đó có các loài đặc hữu như Sao La, Hồ, Voi, Bò tót; lớp chim đã phát hiện được 322 loài, thuộc 62 họ, 17 bộ, có 17 loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam và thế giới, trong đó có các loài đặc hữu như Gà Lôi lam mỏ đen, Gà Lôi lam đuôi trắng, Trĩ sao...

4.4. Tiềm năng về du lịch sinh thái gắn với cảnh quan, môi trường rừng

- Tiềm năng du lịch của Hà Tĩnh rất đa dạng, phong phú. Đối với du lịch sinh thái gắn với rừng, Hà Tĩnh có khu rừng nguyên sinh Vũ Quang, Khu Bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ có nhiều loài động, thực vật quý hiếm có giá trị cho du lịch và nghiên cứu khoa học, khu sinh thái Rào Ròng (Hương Khê), khu du lịch sinh thái Rào Ân (xã Sơn Kim 1), Khu du lịch sinh thái Hải Thượng Lãn Ông và những cảnh quan tuyệt đẹp như Núi Hồng, khu du lịch Suối Tiên (Hồng Lĩnh), (Nghị Xuân); không chỉ đẹp ở sự kỳ vĩ, nổi tiếng bởi những huyền thoại cổ tích mà còn được biết đến bởi một hệ thống chùa chiền như Chùa Thiên Tượng, Chùa Chân Tiên, Chùa Hương Tích... Đèo Ngang hấp dẫn vì có các công trình nhân tạo đồ sộ như Hoành Sơn Quan, một di tích được xây dựng ở đỉnh đèo từ năm 1883, dưới thời vua Minh Mạng hay lũy Lâm Ấp dài hơn 30km từ mũi Độc Ngưu đến Xuân Sơn - Vọng Liệt được xây dựng từ thời vua Lâm Ấp để chống quân Tần, các vùng phụ cận (Rào Trỏ, Kim Sơn). Bên cạnh đó còn có khu du lịch sinh thái nước sốt Sơn Kim gắn với nguồn nước khoáng nóng chữa bệnh, Khu du lịch sinh thái Cửa Thờ - Trại Tiểu... đó là những giá trị di tích lịch sử, di sản văn hóa và những cảnh quan thiên nhiên mà chúng ta cần có sự đầu tư, khai thác tiềm năng sẵn có và bảo tồn, tạo ra nhiều cảnh quan sơn thủy kỳ thú thu hút khách du lịch đến tham quan, nghỉ dưỡng.

- Đối với tiềm năng của rừng ngập mặn, rừng ven biển của Hà Tĩnh cũng phong phú, với 04 cửa sông lớn trên địa bàn tỉnh (Cửa Hội, Cửa Sót, Cửa Nhượng, Cửa Khẩu) là cơ hội để kết hợp quản lý bảo vệ và phát triển đai rừng ven biển, nâng cao tính năng phòng hộ của rừng; tạo cảnh quan thiên nhiên đẹp cho hoạt động du lịch; sử dụng hợp lý không gian dưới tán rừng cho phát triển nuôi trồng thủy sản, khai thác lâm sản ngoài gỗ, sản xuất nông lâm kết hợp, dịch vụ tắm biển, nghỉ dưỡng, lưu trú, thúc đẩy kinh doanh dịch vụ du lịch và các ngành nghề kinh tế khác trong vùng đi kèm (Khu dịch vụ du lịch Hồng Lam Xuân Thành; Khu du lịch Đồng Nội Thiên Cầm ; Khu du lịch Vinpearl Cửa Sót; Công viên rừng ngập mặn hạ lưu sông Rào Cái ...).

4.5. Lợi thế về vị trí địa lý

Hà Tĩnh có Khu Kinh tế Vũng Áng, Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo là tiềm năng, động lực để xây dựng Khu kinh tế trọng điểm của tỉnh, giao thương giao thương trong nước và quốc tế, có vị trí khá thuận lợi để giao lưu, phát triển kinh tế giữa 2 miền Nam - Bắc, cũng như với các nước trong khu vực, đây là điều

kiện thuận lợi cho Hà Tĩnh chuyển dịch kinh tế theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa. Hệ thống giao thông tương đối thuận lợi với các tuyến Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, đường Hồ Chí Minh chạy qua. Ngoài ra, các tuyến đường Quốc lộ 8A giao thương giữa Hà Tĩnh với các nước Lào, Thái Lan; cùng với cảng biển Vũng Áng đã đưa vào hoạt động, khai thác là điều kiện thuận lợi cho xuất nhập khẩu lâm sản.

6. Lợi thế về lao động

Dân số toàn tỉnh có 1.632.784 người, trong đó ở khu vực nông thôn chiếm khoảng 75 % - 78 % tổng dân số toàn tỉnh. Dân cư phân bố không đồng đều, tập trung cao ở khu vực đồng bằng, vùng miền núi dân cư thưa thớt. Lao động khu vực nông thôn chiếm khoảng 70 % lao động xã hội. Lực lượng lao động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp khá dồi dào, song còn thiếu việc làm, cần cù sáng tạo. Cơ cấu kinh tế hiện nay đang tập trung vào nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, đây là ngành sử dụng lao động chính (chiếm khoản 48% - 51% lực lượng lao động toàn tỉnh).

5. Mục tiêu, định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030

5.1 Mục tiêu chung

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững 358.279 ha rừng và đất lâm nghiệp, giữ vững an ninh môi trường rừng; tích cực, chủ động ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ, PCCCR và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

- Về sản xuất lâm nghiệp: Tập trung thâm canh, nâng cao năng suất và giá trị rừng trồng; phát triển sản xuất lâm sản ngoài gỗ nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích; phát huy giá trị tiềm năng lợi thế, phát triển giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng; nâng cao chất lượng rừng tự nhiên; thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững, thực hiện mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng, phát triển du lịch sinh thái, thu hút đầu tư công nghệ cao trong sản xuất lâm nghiệp...

5.2 Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Về giá trị sản xuất, giá trị gia tăng; tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản...

+ Đưa tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng trung bình mỗi năm 10%

- Tỷ lệ che phủ rừng: Trên 52%

- Về diện tích, năng suất, sản lượng các sản phẩm chủ lực

+ Đến năm 2030 phấn đấu có 40.000ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, trong đó có trên 20.000ha rừng trồng sản xuất.

+ Hàng năm, trồng rừng tập trung từ khoảng 9.000 ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng khoảng 400ha. Khoanh nuôi, nuôi dưỡng, làm giàu, phục hồi rừng tự nhiên bằng các loài cây trồng bản địa có khả năng phòng hộ cao.

+ Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn và các hệ thống nông lâm kết hợp Duy trì ổn định sản lượng khai thác gỗ rừng trồng hàng năm đạt 700.000 m³; tăng sinh khối rừng trồng đạt bình quân 15-20 m³/ha/năm; phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp từ 5,0% đến 5,5%/năm.

+ Đa dạng hóa nguồn thu từ rừng phù hợp với quy định của pháp luật: Phát triển mô hình các đề án, dự án du lịch sinh thái rừng, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, cây rừng có giá trị kinh tế như: Quế, Dó bầu, Sa Nhân tím...; thí điểm thực hiện chi trả phí dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon của rừng

+ Cao su: Đến năm 2030 diện tích cao su 8.150 ha, diện tích cho sản phẩm 6.367 ha, năng suất mũ 0,9 tạ/ha, sản lượng mũ 5.296 tấn; tập trung đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm;

+ Dó trầm: từ nay đến 2030 mở rộng thêm khoảng 300ha. Kêu gọi các doanh nghiệp hợp tác đầu tư, chế biến các sản phẩm từ Dó, tạo đầu ra ổn định, tiến tới tạo thương hiệu Dó trầm Hà Tĩnh

+ Làm giàu rừng bằng biện pháp ươm, gieo hạt giống cây lâm nghiệp, (*Lim xanh, Re hương, Giổi, Lát hoa, Mỡ, Gáo, Trám, Dó bầu*) vào đất rừng tự nhiên thuộc đối tượng rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng với diện tích 3000 ha, bình quân mỗi năm thực hiện 600 ha, nhằm tăng trữ lượng gỗ và năng suất rừng; cải thiện cấu trúc và đa dạng loài cây gỗ có giá trị kinh tế, giá trị bảo tồn cao; tăng thu nhập từ lâm sản ngoài gỗ và tiềm năng từ dịch vụ môi trường rừng (tín chỉ carbon); giúp chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo, nghèo kiệt thành rừng sản xuất kinh doanh gỗ lớn.

(về diện tích, năng suất, sản lượng chi tiết theo biểu 04)

5.3 Định hướng phát triển

- Gỗ rừng trồng

Hà Tĩnh hiện nay có 93.465 ha rừng trồng thuộc đối tượng sản xuất, trong đó diện tích rừng nguyên liệu chiếm 90 %, chủ yếu là các loài keo (Keo lai, Keo lá tràm, keo Tai tượng). Đây là loài cây phù hợp với điều kiện lập địa, sinh trưởng nhanh và đã khẳng định được vị thế trong kinh tế lâm nghiệp địa phương. Mặc dù diện tích lớn nhưng hiệu quả kinh tế từ gỗ rừng trồng tại Hà Tĩnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Đa số diện tích vẫn là rừng gỗ nhỏ. Người dân có tâm lý "ăn chắc mặc bền", thường khai thác sớm (năm thứ 5-6) để bán gỗ băm dăm, dẫn đến giá trị gia tăng thấp.

Do vậy, thời gian tới Hà Tĩnh cần chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình trồng rừng gỗ nhỏ (chu kỳ 5-7 năm) sang trồng rừng gỗ lớn (chu kỳ trên 10-12 năm) nhằm nâng cao năng suất, phấn đấu đạt trữ lượng rừng bình quân 150 - 200 m³/ha đối với rừng gỗ lớn, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích lên 1,5 - 2 lần so với trồng rừng truyền thống, nhằm cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến tinh sâu và xuất khẩu.

Đến năm 2030, trên địa bàn toàn tỉnh định hình khoảng 85.000 ha rừng cung cấp gỗ nguyên liệu phục vụ chế biến, trong đó ổn định 45.000 ha diện tích rừng trồng gỗ nguyên liệu thâm canh tập trung gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (20.000 ha gỗ lớn, 25.000 ha gỗ nhỏ), 40.000 ha rừng trồng bán thâm canh. Định hướng đến năm 2030 có khoảng 20.830 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Đây là động lực lớn nhất đối với doanh nghiệp và chủ rừng, nhằm đưa sản phẩm gỗ rừng trồng xâm nhập vào các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản và Canada có quy định rất khắt khe về nguồn gốc gỗ, có chứng chỉ giúp sản phẩm gỗ tránh được các rào cản kỹ thuật, nâng giá bán cao hơn từ 10 - 30 % so với gỗ cùng loại không có chứng chỉ.

Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, bao gồm: xác định cơ cấu cây trồng, loài cây trồng phù hợp điều kiện đất đai, khí hậu, có giá trị kinh tế cao và phù hợp với mục đích kinh doanh và công nghệ khai thác, chế biến; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, sử dụng giống chất lượng cao, trồng rừng thâm canh gỗ lớn, cơ giới hóa và công nghệ cao trong khâu sản xuất (xử lý thực bì, làm đất, chăm sóc, phòng chống sâu bệnh, lửa rừng, khai thác, vận chuyển, chế biến lâm sản...). Ưu tiên các lĩnh vực: bảo tồn và phát triển nguồn gen, chọn tạo giống, kinh doanh rừng trồng gỗ lớn; các chế phẩm sinh học và kỹ thuật phục vụ thâm canh rừng trồng.

- Đối với rừng tự nhiên:

+ Đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất cần tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và khai thác sử dụng có hiệu quả và bền vững tài nguyên rừng, ngăn chặn các tác động tiêu cực xâm hại vào rừng. Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên là rừng sản xuất, phát huy vai trò, chức năng kết hợp phòng hộ với kinh tế theo hướng bền vững, đáp ứng các dịch vụ môi trường, tiến tới xây dựng và cấp chứng chỉ rừng tự nhiên bền vững FSC/PEFC, tín chỉ cacbon.

+ Đối với các trạng thái rừng trung bình, rừng tự nhiên nghèo, cần đẩy mạnh làm giàu rừng để nâng cao chất lượng, phục vụ cung cấp gỗ lớn và phát huy vai trò, chức năng phòng hộ của rừng theo hướng bền vững đáp ứng các dịch vụ môi trường, tiến tới xây dựng và cấp chứng chỉ rừng tự nhiên bền vững bằng giải pháp như: Quản lý, xúc tiến tái sinh, làm giàu, trồng bổ sung với các cây bản địa, cây mục đích/ bản địa có giá trị kinh tế cao ở những diện tích có điều kiện lập địa tốt, đặc biệt cần chú trọng tập đoàn các loài cây bản địa đã gây trồng và được đánh giá phù hợp lập địa, khí hậu trên địa bàn Hà Tĩnh là: Công trắng, Lim xanh, Giổi, Dẻ, Re hương...

+ Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên phục hồi, rừng nghèo kiệt có trữ lượng cây đứng dưới 30 m³/ha, đáp ứng mục đích sản xuất kinh doanh có số lượng cây gỗ tầng cao, chất lượng tốt dưới 500 cây/ha và số lượng cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 01 m trên 1000 cây/ha hoặc số lượng cây gỗ tầng cao, chất lượng tốt trên 500 cây/ha và số lượng cây tái sinh mục đích đạt chiều

cao trên 01 m dưới 1000 cây/ha. Mật độ cây gỗ và cây tái sinh mục đích phân bố không đều trên toàn diện tích; Rừng tre nứa có tỷ lệ che phủ trên 70% và dưới 200 bụi/ha, phân bố không đều trên toàn diện tích... (Theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BNN-PTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT thì đẩy mạnh thực hiện biện pháp Làm giàu rừng bằng biện pháp ươm, gieo hạt giống cây lâm nghiệp (*Lim xanh, Re hương, Giổi, Lát hoa, Mỡ, Gáo, Trám, Dó bầu*) với diện tích 3000 ha, bình quân mỗi năm thực hiện 600 ha.

Hiện nay diện tích rừng tự nhiên đã giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn quản lý, sử dụng với diện tích 18.172,27 ha, thuộc đối tượng rừng tự nhiên phục hồi, nghèo kiệt chủ yếu tập trung ở các xã: Hương Khê, Hương Đô, Phúc Trạch, Sơn Tây, Sơn Giang, Kim Hoa, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Kỳ Lạc, Kỳ Thượng.... Tuy nhiên theo Chỉ thị 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ Thị 13-CT/TW của Ban Bí thư thì đối tượng rừng tự nhiên này không được phép cải tạo do đó phải trồng bổ sung, làm giàu rừng. Tuy nhiên việc hưởng lợi của các hộ gia đình, cá nhân từ diện tích rừng này gần như không có. Từ năm 2021-2025, thông qua thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã hỗ trợ kinh phí 4.814 triệu đồng để các hộ gia đình, cá nhân trồng bổ sung làm giàu rừng tự nhiên bằng các loài cây bản địa (*Lim xanh, Giổi, Re hương*) với diện tích 963 ha. Qua kiểm tra, đánh giá, rừng sau khi trồng bổ sung được các hộ quan tâm chăm sóc, bảo vệ tốt, do vậy cây phát triển tốt, khả năng thành rừng cao. Thời gian tới cần có chính sách để tiếp tục hỗ trợ cây giống bản địa (*Lim xanh, Re hương, Giổi, Mỡ, Gáo...*) và hỗ trợ thêm tiền nhân công trồng, chăm sóc để người dân thực hiện trồng bổ sung, làm giàu rừng. Dự kiến diện tích trồng bổ sung làm giàu rừng khoảng 4000 ha (bình quân 800 ha/năm).

- Đối với cây Dó trầm

+ Cây Dó trầm, là cây lợi thế Hà Tĩnh nói chung và của các xã Phúc Trạch, Hương Đô, Hương Xuân nói riêng, cần tiếp tục nâng cao chất lượng các vườn Dó trầm trên địa bàn, từ nay đến 2030 mở rộng thêm khoảng 300ha. Kêu gọi các doanh nghiệp hợp tác đầu tư, chế biến các sản phẩm từ Dó, tạo đầu ra ổn định, tiến tới tạo thương hiệu Dó trầm Hà Tĩnh

+ Có chương trình kế hoạch điều tra, thống kê, đánh giá về diện tích, tuổi cây, số hộ đã trồng thực hiện cấy tạo trầm, loại thuốc sử dụng, nguồn gốc và kết quả, thị trường tiêu thụ, hiệu quả kinh tế tại các xã có trồng cây Dó trầm.

+ Nắm bắt yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân và các vấn đề liên quan đến việc phát triển cây Dó trên địa bàn tổng hợp thông tin đa chiều từ việc sản xuất kinh doanh sản phẩm trầm hương từ các nhà khoa học, tổ chức cá nhân liên quan.

+ Tiếp tục tìm kiếm thị trường, kêu gọi các doanh nghiệp kinh doanh Dó trầm trong và ngoài nước trực tiếp liên doanh, liên kết với hộ nông dân để sản xuất kinh doanh và phát triển cây Dó trên địa bàn.

- Đối với cây Cao su:

+ Tiếp tục phát triển diện tích trồng cao su theo đúng quy hoạch của tỉnh, địa phương và định hướng của tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Duy trì và ổn định diện tích 8.150 ha. Tập trung tái canh các diện tích già cỗi bằng các bộ giống có năng suất cao, khả năng chống chịu bệnh tốt, dự kiến tái canh trồng lại cao su trên diện tích cao su thanh lý do bão gây ra.

+ Phát triển chế biến, xúc tiến thương mại, thị trường tiêu thụ:

++ Nâng cấp dây chuyền chế biến mủ cao su nhằm đáp ứng nhu cầu và thu hút gia công chế biến. Thực hiện đánh giá, cấp chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm CoC/PEFC cho nhà máy chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm tăng giá trị cạnh tranh. Quản lý chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn Quốc gia và của Tập đoàn, quản lý chất lượng môi trường đáp ứng yêu cầu sản xuất và đảm bảo các quy định

++ Chủ động tìm kiếm đối tác chiến lược tiêu thụ sản phẩm mủ cao su thu mua... tổ chức hiện thức bán đấu giá sản phẩm gỗ gỗ rừng trồng tăng tính cạnh tranh trên thị trường và thể hiện sự minh bạch.

++ Xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn liền với quy trình sản xuất sạch, bền vững và có nguồn gốc rõ ràng. Kiểm soát chất lượng đầu vào của sản phẩm chế biến từ cây cao su đến nhà máy chế biến, áp dụng trách nhiệm giải trình (DDS) nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, tiến tới công bố thích ứng quy định EUDR triển khai thực hiện chứng nhận hệ thống EUDR DDS nhằm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đưa sản phẩm xuất khẩu đảm bảo các yêu cầu thích ứng với **EUDR** theo định hướng của Tập đoàn về chiến lược tăng trưởng xanh và phát triển bền vững giai đoạn 2023-2030 tầm nhìn 2050.

+ Đối với phần diện tích Công ty trả về cho địa phương, chỉ đạo các địa phương đề xuất phương án sử dụng đất. Trong đó ưu tiên, thu hút các nhà đầu tư đối với những diện tích có quy mô lớn, còn diện tích manh mún có phương án giao cho các hộ gia đình, cá nhân phát triển sản xuất.

- Nhóm cây dược liệu

+ Kêu gọi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn các cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu, kháng sâu, bệnh hại, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên của từng địa phương; phát triển các mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng với các loài cây như: Thiên niên kiện, sa nhân, Ba kính, Mộc hoa trắng, Hoàng đằng, Hương bài, khô tía và danh mục cây dược liệu theo quy định hiện hành của Bộ Y tế ban hành. Phát triển có chọn lọc, lựa chọn các loài cây phù hợp điều kiện sinh thái, gắn với sinh kế người dân và bảo vệ rừng.

+ Tiếp tục có chính sách hỗ trợ kinh phí mua cây giống cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư trồng cây dược liệu trên đất lâm nghiệp (kể cả trồng dưới tán rừng phòng hộ và sản xuất) thông qua liên kết với doanh nghiệp từ khâu trồng đến khâu tiêu thụ sản phẩm để tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất lâm nghiệp. Mặt khác hiện nay có một số hộ gia đình được giao rừng tự nhiên, đối tượng rừng này theo Chỉ thị 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ Thị 13-CT/TW của Ban Bí thư thì không được phép cải tạo vì vậy người dân chưa có thu nhập trên diện tích này. Việc trồng các loại cây dược liệu để tạo thu nhập trước mắt cho người dân “lấy ngắn nuôi dài” là hết sức cần thiết.

- Chăm sóc, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh

Chú trọng công tác chăm sóc sau khi trồng theo đúng quy trình kỹ thuật được quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định về các biện pháp lâm sinh và Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT. Đặc biệt chú trọng cây giống mang ra trồng dặm, chăm sóc rừng, sử dụng giống đã được cải thiện di truyền để tăng năng suất, khả năng chống chịu sâu bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đối với rừng phòng hộ phải lựa chọn các loài cây bản địa thích ứng với từng vùng sinh thái và biên giới khí hậu, có tính bền vững (Lim xanh, Re hương, Cồng trắng, Dổi, Vạng...). Dự kiến đến năm 2030 hàng năm có khoảng 30.000 ha rừng trồng được chăm sóc. Đẩy mạnh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng với những diện tích có cây gỗ tái sinh đảm bảo đúng đối tượng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); rà soát những diện tích chưa đạt tiêu chí thành rừng để lựa chọn thực hiện các biện pháp lâm sinh phù hợp với từng đối tượng đảm bảo diện tích đưa vào khoanh nuôi xúc tiến tái sinh được quản lý bảo vệ tốt, khả năng thành rừng cao.

6. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

- Về quy hoạch, vùng quy hoạch

Đến năm 2030, trên địa bàn toàn tỉnh định hình khoảng 85.000 ha rừng cung cấp gỗ nguyên liệu phục vụ chế biến, trong đó ổn định 45.000 ha diện tích rừng trồng gỗ nguyên liệu thâm canh tập trung gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (20.000 ha gỗ lớn, 25.000 ha gỗ nhỏ), 40.000 ha rừng trồng bán thâm canh. Định hướng đến năm 2030 có khoảng 20.830 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Hình thành các vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến MDF, HDF và cung cấp nguyên liệu cho nhà máy tại Khu Kinh tế Vũng Áng như: Kỳ Hoa, Kỳ Lạc, Kỳ Thượng, Kỳ Văn; Phúc Trạch, Hà Linh, Hương Đô, Hương Phố, Hương Xuân; Đức Đồng, Thượng Đức, Vũ Quang; Kim Hoa, Sơn Giang, Sơn Hồng, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2, Sơn Tiến.

- Ngoài diện tích quy hoạch rừng trồng tập trung thâm canh nêu trên, còn có khoảng 40.000 ha rừng trồng bán thâm canh thuộc vùng manh mún, nhỏ lẻ, khó đầu tư phát triển thành vùng nguyên liệu thâm canh, tiến hành phát triển các loại cây như dó trầm..., hình thành các trang trại tổng hợp (trồng rừng, lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp...), tiếp tục trồng rừng để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến MDF, HDF, ván nhân tạo.

- Đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất cần tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và khai thác sử dụng có hiệu quả và bền vững tài nguyên rừng, ngăn chặn các tác động tiêu cực xâm hại vào rừng. Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên là rừng sản xuất bằng các biện pháp trồng bổ sung làm giàu rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh..., phát huy vai trò, chức năng kết hợp phòng hộ với kinh tế theo hướng bền vững, đáp ứng các dịch vụ môi trường, tiến tới xây dựng và cấp chứng chỉ rừng tự nhiên bền vững FSC/PEFC, tín chỉ cacbon.

- Rà soát, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lâm nghiệp, lựa chọn loài cây trồng có giá trị kinh tế cao, đưa các loài giống mới được tạo bằng phương pháp nuôi cấy mô vào trồng rừng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Đồng thời rà soát để chuyển đổi mục đích sử dụng một số diện tích đất lâm nghiệp phù hợp để đưa vào trồng các loài cây khác có giá trị kinh tế cao hơn.

- Thể chế, cơ chế chính sách

+ Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất đai, môi trường và các quy định có liên quan; tổ chức thực hiện đầy đủ, đồng bộ các cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Chủ động rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp bền vững.

+ Có cơ chế, chính sách nhằm huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2026- 2030, phát triển quản lý rừng cộng đồng, hưởng lợi từ rừng, tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng; chi trả dịch vụ môi trường rừng; quyền sử dụng đất, rừng để sản xuất kinh doanh phù hợp với kinh tế thị trường; có cơ chế, chính sách, chế độ đãi ngộ đối với người tham gia bảo vệ và phát triển rừng,

+ Có chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư, khuyến khích đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên theo hướng hưởng lợi trực tiếp từ rừng, phát triển sản xuất nông lâm kết hợp, cây dược liệu, cây lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ môi trường rừng

+ Xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách đầu tư, thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lâm nghiệp; tăng đầu tư của nhà nước cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nghiên cứu khoa học, khuyến lâm, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống quản lý rừng hiện đại, điều tra quy hoạch rừng, xây dựng rừng giống, vườn giống chất lượng cao và đầu tư thích đáng cho cơ sở hạ tầng lâm nghiệp; đối với rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, nhà nước cấp kinh phí sự nghiệp hàng năm cho các ban quản lý

theo cơ chế tự chủ tài chính và chi phí hoạt động của các tổ bảo vệ rừng thôn, xã; nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng.

+ Thực hiện các mô hình sản xuất lâm nghiệp để làm cơ sở tổng kết, đánh giá, xây dựng mới các cơ chế chính sách về lâm nghiệp.

+ Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác trong lâm nghiệp; phát triển sản xuất kinh doanh đa dạng, gắn trồng rừng với công nghiệp chế biến và thương mại lâm sản theo chuỗi giá trị.

+ Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp đủ khả năng đầu tư theo chuỗi khép kín vào lâm nghiệp và hỗ trợ, dẫn dắt người dân sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường; tiếp tục đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp, phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại nông lâm kết hợp.

Tăng cường vai trò của chính quyền cấp xã trong việc quản lý rừng tại gốc, đi đôi với việc nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm và các Ban quản lý rừng; thúc đẩy cơ chế cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất lâm nghiệp để hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ cao; có cơ chế khuyến khích trồng cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng để nâng cao thu nhập cho người dân trong thời gian rừng chưa khai thác.

- Khoa học công nghệ và chuyển đổi số

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo AI trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR

+ Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, sản xuất các sản phẩm lâm nghiệp, có kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức, người lao động, áp dụng chuyển đổi số trong công tác chuyên môn.

+ Đẩy mạnh hoạt động chế biến, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ gắn với xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm.

- Hình thức tổ chức sản xuất

+ Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị, từ rừng trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là gỗ rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC/PEFC). Từng bước mở rộng liên kết trong phát triển dược liệu dưới tán rừng, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ môi trường rừng, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ ổn định.

+ Khuyến khích các hộ gia đình liên kết thành Hợp tác xã để cùng thực hiện cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC/PEFC). Hợp tác xã sẽ là đầu mối đại diện cho người dân ký kết hợp đồng với các nhà máy chế biến, giúp người dân không bị thương lái ép giá.

+ Xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa Người trồng rừng - Doanh nghiệp chế biến - Thị trường tiêu thụ; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào vùng nguyên liệu, hỗ trợ người dân về vốn và kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn; tập trung vào chế biến sâu, tinh chế để nâng cao giá trị gia tăng thay vì xuất khẩu dăm gỗ thô.

+ Thay đổi hình thức sản xuất từ đơn canh sang đa mục tiêu; trồng cây dược liệu, cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng để tạo nguồn thu ngắn hạn nuôi nguồn thu dài hạn (gỗ lớn); tổ chức sản xuất gắn với việc bán tín chỉ carbon và dịch vụ du lịch sinh thái, giúp người dân sống được nhờ giữ rừng thay vì chỉ khai thác gỗ.

+ Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí Hỗ trợ kinh phí mua hạt giống (Lim xanh, Re hương, Lát hoa, Đinh hương, Giổi, Mỡ, Còng, Dó bầu, Trám) và tiền nhân công cho các Chủ rừng là tổ chức gieo ươm vào rừng tự nhiên thuộc đối tượng rừng nghèo, nghèo kiệt nhằm nâng cao giá trị và chất lượng rừng tự nhiên.

+ Sử dụng hệ thống mã số vùng trồng, nhật ký sản xuất điện tử để đáp ứng các quy định nghiêm ngặt của quốc tế (như EUDR); sử dụng ảnh vệ tinh và Flycam (UAV) để quản lý diễn biến rừng và phát hiện sớm các biến động, giúp tiết kiệm nhân lực quản lý trực tiếp.

+ Khuyến khích các chủ trang trại sản xuất lâm nghiệp thuần túy sang tổ chức sản xuất theo hướng đa tầng, đa giá trị nhằm tạo ra giá trị tối đa trên cùng một diện tích đất, làm giàu bền vững trên chính mảnh đất của mình.

+ Giao các địa phương rà soát toàn bộ hồ sơ đã giao rừng và đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân theo Đề án 3952 để chỉ đạo thực hiện trên diện rừng và đất lâm nghiệp được giao đúng mục đích và có hiệu quả.

- Quản lý nhà nước (bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng...)

+ Tập trung làm tốt công tác bảo vệ rừng tại gốc; tăng cường kiểm tra, truy quét, phát hiện và xử lý dứt điểm các hành vi phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản, động vật hoang dã trái phép, tranh chấp, lấn chiếm đất rừng,...

+ Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng cháy chữa cháy rừng, đầu tư mua sắm, xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị PCCCR đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ PCCCR trong giai đoạn tới.

- Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất lâm nghiệp, kiểm lâm

+ Từng bước, đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các trạm bảo vệ rừng đã xuống cấp; bổ sung trang thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ phục vụ công tác tuần tra bảo vệ rừng và PCCCR. Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến; giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng.

+ Huy động các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án như: Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng Nông thôn mới, Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách tỉnh Hà Tĩnh ... để đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất, tạo cơ hội đầu tư mới cho lâm nghiệp và các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa trên đất lâm nghiệp.

+ Phần đầu đến năm 2030, đầu tư xây dựng được một số tuyến đường trọng yếu phục vụ sản xuất vào các vùng rừng sản xuất là rừng trồng tập trung 170 km, nhằm tạo điều kiện cho người dân làm nghề rừng nâng cao được hiệu quả sản xuất lâm nghiệp, tăng giá trị sản phẩm gỗ từ rừng trồng; khai thác tiềm năng lợi thế rừng và đất lâm nghiệp. Bên cạnh đó đáp ứng phục vụ thuận lợi hơn cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trong thời gian tới.

- Phát triển chế biến, xúc tiến thương mại, thị trường tiêu thụ

- Tiếp tục phối hợp với các Sở ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án chế biến sâu, sản phẩm có giá trị gia tăng, nhu cầu sử dụng cao, ổn định trên thị trường. Tập trung ưu tiên phát triển các nhóm sản phẩm chính đồ gỗ nội thất, đồ gỗ ngoài trời, gỗ ván nhân tạo, đồ gỗ mỹ nghệ, viên nén gỗ... Từ đó nâng cao giá trị ngành chế biến lâm sản, cũng như đẩy mạnh phát triển rừng trồng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với sở ngành, địa phương khuyến khích các doanh nghiệp chế biến lâm sản thực hiện có hiệu quả việc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức trồng rừng nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, bền vững cho hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp chế biến lâm sản; phối hợp với các tổ chức xây dựng và tiến tới cấp chứng chỉ FSC, PEFC, FLEGT... cho một số diện tích rừng nguyên liệu để đáp ứng nguyên liệu có hợp pháp, có thể truy xuất nguồn gốc cho các doanh nghiệp xuất khẩu lâm sản.

- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị chủ rừng hoàn thành và triển khai thực hiện có hiệu quả Phương án quản lý rừng bền vững gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng, từng bước đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu gỗ có chất lượng, có chứng chỉ cho sản xuất, chế biến gỗ, lâm sản xuất khẩu và cấp chứng chỉ các- on. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trồng rừng gỗ lớn gắn với quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng.

- Chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm tiếp tục tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động chế biến lâm sản của các cơ sở chế biến lâm sản trên địa bàn, đảm bảo thực hiện tốt các quy định pháp luật về hồ sơ lâm sản hợp pháp, nguồn gốc lâm sản hợp pháp, các quy định về môi trường; phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định pháp luật.

- Tích cực khai thác thị trường truyền thống, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, hướng mạnh xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, nhu cầu sử dụng cao và ổn định.

- Các doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt cơ hội, tìm kiếm thị trường. Khuyến khích doanh nghiệp chế biến gỗ xây dựng thương hiệu theo các Chương trình xây dựng thương hiệu quốc gia, thương hiệu chế biến gỗ Việt

Nam. Từ đó, tạo cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ và nâng cao năng lực cạnh tranh, khẳng định được giá trị, uy tín sản phẩm gỗ xuất khẩu của Hà Tĩnh trên thị trường trong nước và quốc tế

- Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026:

Bối cảnh dự báo: Thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp, khó dự đoán; biến đổi khí hậu ngày càng tác động sâu sắc, các hiện tượng thời tiết cực đoan như: nắng nóng kéo dài, mưa lũ với cường độ lớn gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đặc biệt, năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh chịu ảnh hưởng, thiệt hại nặng nề do cơn bão số 5 và số 10 gây ra, nhất là lĩnh vực nông nghiệp nói chung và lâm nghiệp nói riêng (tổng diện tích rừng bị thiệt hại trên toàn tỉnh khoảng 42.000ha, trong đó: rừng đặc dụng 310ha, rừng phòng hộ 14.100ha, rừng sản xuất 27.590ha); đồng thời nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp, lâm sản tăng cao, áp lực về việc làm của người dân, đặc biệt là người dân sống ở vùng gần rừng ngày càng cao; Sức cạnh tranh của sản xuất lâm nghiệp còn thấp, trong tương lai vấn đề cạnh tranh sẽ càng gay gắt hơn trên thị trường quốc tế và trong nước...

+ Kế hoạch nhiệm vụ:

++ Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng:

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ, phát triển bền vững rừng phòng hộ, đặc dụng hiện có: tập trung làm tốt công tác bảo vệ rừng tại gốc; tăng cường kiểm tra, truy quét, phát hiện và xử lý dứt điểm các tụ điểm về phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản, động vật hoang dã trái phép, tranh chấp, lấn chiếm đất rừng... Đồng thời, khai thác hiệu quả các giá trị về bảo tồn đa dạng sinh học, các loại hình dịch vụ như du lịch sinh thái, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên diện tích rừng và đất lâm nghiệp.

Tăng cường quản lý chặt chẽ các quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, dự án liên quan đến rừng và đất lâm nghiệp; hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, không chuyển mục đích sử dụng đổi diện tích rừng tự nhiên hiện có, trừ dự án quan trọng quốc gia, dự án phục vụ quốc phòng an ninh quốc gia, dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt; thực hiện nghiêm túc việc dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên; phối hợp thực hiện Đề án tăng cường quản lý đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR; tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường công tác phối kết hợp giữa các ngành Kiểm lâm, Công an, Quân sự (trong đó có Biên phòng), Hải quan và các tỉnh giáp ranh trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

++ Bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái:

Triển khai thực hiện các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nhất là đối với 02 khu rừng đặc dụng (Vườn Quốc gia Vũ Quang và Khu Bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ); tăng cường công tác quản lý, bảo vệ động vật hoang dã, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Chủ động kêu gọi, thu hút các chương trình, dự án, các tổ chức quốc tế đầu tư, hỗ trợ thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn.

++ Nâng cao giá trị lâm nghiệp qua chế biến, thương mại lâm sản:

Tập trung phát triển, sản xuất, chế biến các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng, nhu cầu sử dụng cao, ổn định trên thị trường như nhóm sản phẩm đồ gỗ nội thất, ngoại thất, ván nhân tạo và sản phẩm viên nén sinh khối; tổ chức thực hiện liên kết với các chủ rừng hình thành vùng nguyên liệu gỗ tập trung để đảm bảo nhu cầu nguyên liệu ổn định, chất lượng, hợp pháp cho sản xuất, chế biến lâm sản. Tiếp tục duy trì, mở rộng thị phần tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và các thị trường xuất khẩu.

++ Phát triển rừng và nâng cao chất lượng rừng trồng

Từng bước chuyển hướng từ sản xuất, kinh doanh gỗ nhỏ, khai thác gỗ non phục vụ chế biến dăm xuất khẩu sang kinh doanh gỗ lớn phục vụ chế biến tinh, sâu. Quan tâm đến công tác giống cây trồng, đặc biệt là giống cây bản địa; nâng cao tỷ trọng cây trồng gỗ lớn...

Tập trung phát triển rừng có chứng chỉ FSC nhằm tham gia thị trường lâm sản thế giới một cách bình đẳng và thực hiện tốt các cam kết đa phương với các tổ chức quốc tế về bảo vệ môi trường khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học; khuyến khích đầu tư chiều sâu cho các cơ sở chế biến hiện có; đưa ứng dụng công nghệ mới vào chế biến lâm sản để nâng cao hiệu quả kinh tế và tiết kiệm nguyên liệu.

++ Phát triển cơ sở hạ tầng lâm nghiệp:

Ưu tiên đầu tư mua sắm các phương tiện, máy móc, trang thiết bị; xây dựng mới, tu sửa các công trình bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Dự kiến tổ chức triển khai thực hiện 11 dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ trong lâm nghiệp của Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị chủ rừng

++ Phát triển giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng, dịch vụ lâm nghiệp:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; đa dạng hóa, mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng, đặc biệt là du lịch giải trí trong rừng phòng hộ, đặc dụng, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng...để tái đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng. Thực hiện tốt Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ.

++ Tăng cường năng lực giám sát, điều phối ngành lâm nghiệp:

Hàng năm triển khai thực hiện nghiêm công tác theo dõi diễn biến rừng; triển khai thực hiện điều tra, kiểm kê rừng; tích cực ứng dụng chuyển đổi số

trong thực hiện nhiệm vụ, ứng dụng ảnh vệ tinh, phần mềm canhbaobiendongrung trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng....

7. Khái toán nguồn kinh phí đầu tư giai đoạn 2026-2030: 5.549.965 triệu đồng, bao gồm:

- Lồng ghép các chương trình, dự án ngân sách Trung ương: 623.000 triệu đồng

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách cấp tỉnh: 168.000 triệu đồng (*Hỗ trợ thực hiện chính sách: 100.000 triệu đồng; Hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp: 68.000 triệu đồng*)

- Nguồn kinh phí đầu tư của ngân sách cấp xã: 50.000 triệu đồng

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác: 4.708.965 triệu đồng

8. Danh mục các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư

- Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

- Dự án ứng dụng công nghệ cao và nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm về bảo vệ rừng PCCCR.

- Xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Xây dựng dự án bảo tồn đa dạng sinh học

- Dự án xây dựng Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật tại Vườn Quốc gia Vũ Quang

- Chính sách của tỉnh: Hỗ trợ kinh phí mua hạt giống lâm nghiệp (Lim xanh, Re hương, Giổi, Lát hoa, Mỡ, Gáo, Trám, Đinh hương, Dó bầu ...) và tiền nhân công ươm, gieo hạt giống cây lâm nghiệp vào đất rừng tự nhiên, phát dọn thực bì cho các đơn vị chủ rừng là tổ chức để nâng cao chất lượng rừng tự nhiên là rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng.

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án; cụ thể hoá các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, đồng thời rà soát, đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Hàng năm, phối hợp với các địa phương tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Đề án, kịp thời bổ sung, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện, tham mưu báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan hướng dẫn các trình tự thủ tục về đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm làm căn cứ để thực hiện Đề án.

9.2. Các Sở, ban ngành liên quan

- Sở Tài chính: Lồng ghép, bố trí các nguồn vốn từ các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất. Xúc tiến đầu tư, kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi về cấp phép đầu tư cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định; Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành liên quan, các địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch ngân sách hàng năm, cân đối tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt các chính sách có liên quan.

- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp các sở ngành chức năng, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp liên quan xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển du lịch sinh thái gắn với cảnh quan, môi trường rừng; quy hoạch các khu, điểm, tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng dụng, chuyển giao, đề tài nghiên cứu, dự án khoa học công nghệ mới trong sản xuất, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ cao. Bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ của các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

- Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành chức năng thực hiện tốt công tác xúc tiến thương mại, thương hiệu hàng hóa, thị trường xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm.

9.3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ tình hình thực tế của các địa phương tổ chức thực hiện Đề án theo đúng quy định; hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức kinh tế, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thực hiện có hiệu quả Đề án.

- Tổ chức quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các dự án trên đất lâm nghiệp theo đúng quy định, đảm bảo đúng lộ trình, tránh phát triển ồ ạt, phát triển “nóng”, đảm bảo tính bền vững. Hàng năm, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Đề án để có phương án bổ sung kịp thời.

9.4. Các đơn vị chủ rừng nhà nước

- Căn cứ nội dung Đề án, các đơn vị xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh để phát quản lý bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao năng suất và chất lượng rừng, phát triển nâng cao giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động, đổi mới tư duy, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh việc liên kết với các doanh nghiệp chế biến tinh sâu trên địa bàn để tạo vùng nguyên liệu tập trung ổn định./.

CHI CỤC TRƯỞNG

Hoàng Quốc Huân

